TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST
Ngày: 15-9-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Ông Vũ Văn Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2021/TLST-DS ngày 04/6/2021về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-DS ngày 06/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-DS ngày 07/9/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ chi nhánh: Số 30 T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí T sinh năm 1984; địa chỉ: Số 30 T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (Văn bản uỷ quyền số 23/GUQ-CNHD ngày 24/3/2021); có mặt.

- *Bị đơn:*

Anh Nguyễn Phú K sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Chị Nguyễn Thị B sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện A, TP Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Phú C sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bà Trương Thị G sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) đều trình bày:

Giữa Ngân hàng với bị đơn có quan hệ tín dụng. Tại Hợp đồng tín dụng số LD1914100066 ngày 21/5/2019 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng số 66) số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho anh K, chị B vay 500.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh; Hợp đồng tín dụng số LD1914100067 ngày 21/5/2019 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng số 67) số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho anh K, chị B vay 500.000.000 đồng để tiêu dùng. Thời hạn vay và lãi suất vay từng hợp đồng theo thỏa thuận. Tài sản thế chấp cho 02 hợp đồng tín dụng là Quyền sử dụng đất diện tích 201m^2 và tài sản gắn liền với đất tại thôn Dụ Nghĩa, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng thuộc thửa đất số 408, tờ bản đồ số 17; giấy chứng nhận số BX 538921, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00068 do Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 30/9/2015 đứng tên ông Nguyễn Phú C và bà Trương Thị G (Sau đây viết tắt là Thửa đất số 408), Hợp đồng thế chấp tài sản số LD1914100066/A được công chứng tại Phòng công chứng số 5 thành phố Hải Phòng ngày 21/5/2019 số công chứng 1079 và đăng kí giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng kí đất đai - Chi nhánh huyện An Dương ngày 24/5/2019. Ngân hàng còn cho anh K vay tiêu dùng bằng cấp Thẻ tín dụng tại Thẻ tín dụng số 356481-6394 ngày 27/5/2019 Ngân hàng với hạn mức cho vay là 40.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng số 66 và 67 anh K, chị B mới trả được một phần nợ gốc và lãi. Đến ngày 22/3/2021 vi phạm nghĩa vụ thanh toán để nợ quá hạn, mặc dù đã nhiều lần Ngân hàng yêu cầu trả nhưng bên vay đều không thực hiện được. Đối với khoản vay thẻ tín dụng, anh K mới trả được 1.232.713 đồng tiền gốc; còn nợ 38.767.287 đồng tiền gốc tính đến ngày 22/3/2021 và tiền lãi phát sinh.

Ngân hàng khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh K, chị B trả nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 13 tháng 9 năm 2021 là 1.183.314.618 đồng; trong đó nợ của Hợp đồng số 66 gồm gốc 5000.000.000 đồng, lãi trong hạn 89.172.607 đồng, lãi quá hạn 36.615.421 đồng; nợ của Hợp đồng số 67 gồm nợ gốc 451.000.000 đồng, lãi trong hạn 92.479.553 đồng, lãi quá hạn 14.097.037 đồng. Yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ trong trường hợp bên vay không trả nợ. Yêu cầu anh K phải trả Ngân hàng số tiền nợ Thẻ tín dụng không có bảo đảm là 58.953.175 đồng; trong đó nợ gốc 38.767.287 đồng, nợ lãi 20.185.888 đồng.

Trong Văn bản ngày 05/8/2021 anh K, chị B đồng ý với trình bày cũng như yêu cầu của Ngân hàng là đúng. Việc không trả được nợ vay đúng hạn là do kinh tế

gặp khó khăn, dịch bệnh kéo dài, đề nghị Ngân hàng cho trả nợ dần vào nợ gốc 15.000.000 đồng/tháng. Đối với số tiền nợ Thẻ tín dụng, anh K đồng ý trả nợ cho Ngân hàng. Tại phiên tòa, anh K thống nhất với trình bày của Ngân hàng về toàn bộ số dư nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn của các hợp đồng tín dụng.

Trong Văn bản ngày 05/8/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm ông C, bà G đồng ý với trình bày cũng như yêu cầu của Ngân hàng về việc thế chấp tài sản. Việc anh K, chị B không trả được nợ vay đúng hạn là do việc phát triển kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, dịch bệnh kéo dài. Đề nghị Ngân hàng cho anh K, chị B phương án trả nợ như anh chị đã trình bày.

Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh K, chị B phải trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng số 66 và 67 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 13 tháng 9 năm 2021 là 1.183.314.618 đồng; trong đó nợ của Hợp đồng số 66 bao gồm gốc 5000.000.000 đồng, lãi trong hạn 89.172.607 đồng, lãi quá hạn 36.615.421 đồng; nợ của Hợp đồng số 67 bao gồm nợ gốc 451.000.000 đồng, lãi trong hạn 92.479.553 đồng, lãi quá hạn 14.097.037 đồng. Anh K phải trả Ngân hàng số tiền nợ Thẻ tín dụng không bảo đảm là 58.953.175 đồng; trong đó nợ gốc 38.767.287 đồng, nợ lãi 20.185.888 đồng. Bị đơn phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật. Trường hợp bị đơn không trả được nợ của Hợp đồng số 66 và 67 thì phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 408 để nguyên đơn thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại huyện An Dương nên Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về tố tụng: Chị B đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị B.

[3] Về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn của nguyên đơn: Sự thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ tín dụng, về bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, về toàn bộ số nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn thuộc trường hợp không phải chứng minh. Căn cứ vào Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự

thật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận theo các điều 117, 463 và 466 của BLDS.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng: Sự thừa nhận của nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thế chấp tài sản thuộc trường hợp không phải chứng minh; tài sản đã được Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ. Căn cứ vào Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. Yêu cầu của Ngân hàng về phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 408 trong trường hợp bên vay không trả được nợ của Hợp đồng số 66 và 67 là có căn cứ chấp nhận theo các điều 298, 299, 500, 501 và 502 của BLDS; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[5] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh K, chị B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 47.500.000 đồng; anh K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 2.948.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 92, 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 298, 299, 463, 466, 500, 501 và 502 của Bộ luật Dân sự; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Anh Nguyễn Phú K và chị Nguyễn Thị B phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tính đến ngày 13/9/2021 với tổng số tiền là 1.183.314.618 đồng; Trong đó: Nợ của Hợp đồng tín dụng số LD1914100066 ngày 21/5/2019 gồm gốc 5000.000.000 đồng, lãi trong hạn 89.172.607 đồng, lãi quá hạn 36.615.421 đồng; nợ của Hợp đồng tín dụng số LD1914100067 ngày 21/5/2019 gồm gốc 451.000.000 đồng, lãi trong hạn 92.479.553 đồng, lãi quá hạn 14.097.037 đồng.

Anh Nguyễn Phú K phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng 356481-6394 ngày 27/5/2019 tổng số tiền tính đến ngày 13/9/2021 là 58.953.175 đồng; trong đó nợ gốc 38.767.287 đồng, nợ lãi 20.185.888 đồng.

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 14/9/2021 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi

suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay (Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

2. Trường hợp anh Nguyễn Phú K và chị Nguyễn Thị B không trả được nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD1914100066 ngày 21/5/2019 và Hợp đồng tín dụng số LD1914100067 ngày 21/5/2019 thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản sau đây thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất diện tích 201m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn Dụ Nghĩa, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng thuộc thửa đất số 408, tờ bản đồ số 17; giấy chứng nhận số BX 538921, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00068 do Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 30/9/2015 đứng tên ông Nguyễn Phú C và bà Trương Thị G.

Trường hợp phát mại tài sản trên nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì anh Nguyễn Phú K và chị Nguyễn Thị B phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Phú K và chị Nguyễn Thị B phải nộp 47.500.000 đồng; anh Nguyễn Phú K phải nộp 2.948.000 đồng. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 23.480.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, biên lai số 0013190 ngày 01/6/2021.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS h. An Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng